

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ - CP ngày 07 tháng 9 năm 2006; Nghị định số 04/2008/NĐ - CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ - CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc Lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ; Thông tư 03/2008/TT - BKH, ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ - CP ngày 11/01/2008;

Căn cứ Quyết định số 114/2009/QĐ - TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1875/QĐ - UBND ngày 28/6/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc: " Phê duyệt đề cương nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thọ Xuân đến năm 2020 ";

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân tại Tờ trình số 81/TTr - UBND ngày 16/8/2010 về việc: “ Đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thọ Xuân đến năm 2020 “; Báo cáo trình tự thực hiện và kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thọ Xuân đến năm 2020 ngày 09/9/2010; Ý kiến phản biện của các thành viên Hội đồng về việc: “ Đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thọ Xuân đến năm 2020 “; và hồ sơ quy hoạch kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế — xã hội (KT -XH) huyện Thọ Xuân đến năm 2020; Với các nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển:

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện; sử dụng có hiệu quả nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế; áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế với cơ cấu hợp lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ có chất lượng và có tính cạnh tranh cao, trước hết là các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sử dụng nguyên liệu sản có trên địa bàn. Phát

triển các ngành dịch vụ phục vụ nhu cầu của nhân dân trong huyện và các khu kinh tế động lực của tỉnh.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá an toàn và bền vững trên cơ sở phát triển mạnh các vùng chuyên canh, phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại.

- Thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục, đào tạo, y tế, môi trường, □ phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, thực hiện có hiệu quả xoá đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống dân cư, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, ổn định xã hội.

II. Mục tiêu phát triển:

1. Kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 17,7%.

Giai đoạn 2016 - 2020 đạt 20,7%.

Cơ cấu kinh tế: giảm tỷ trọng nông- lâm- thuỷ sản từ 29,6% năm 2010 xuống còn 17,7% năm 2015; tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng 30,8% năm 2010 lên 36,9%.

- Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm 9,5% năm 2015 và 12,0% vào năm 2020.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 là 22,3 triệu đồng, năm 2020 là 55,6 triệu đồng giá hiện hành.

2. Về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số dưới 0,6%.

- Đến năm 2020 giải quyết cơ bản việc làm cho người lao động.

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 3,0%.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục và đào tạo, duy trì và củng cố thành quả phổ cập tiểu học, THCS tiến tới phổ cập THPT; đồng thời chuẩn hoá và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; tỷ lệ lao động được đào tạo nghề hàng năm đạt 13,4% trên tổng số lao động vào năm 2020.

- Hoàn thiện mạng lưới y tế từ huyện đến thôn; năm 2015 có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 5,0% vào năm 2015, đến năm 2020 cơ bản không còn trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng.

3. Về môi trường:

- Các cơ sở sản xuất mới xây dựng có công trình xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, hoặc áp dụng công nghệ sạch; 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường vào năm 2020.

- Tỷ lệ chất thải rắn và chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trên 100% vào năm 2020.

III. Quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực:

1. Nông - lâm - thuỷ sản:

- Phát triển toàn diện ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sạch hướng tới xuất khẩu, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích. Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp.

Giá trị sản xuất ngành Nông — Lâm - Thủy sản đến năm 2015 là 1.224,0 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân thời kỳ là 5,8%, tỷ trọng chăn nuôi chiếm 36,4%; năm 2020 tốc độ tăng bình quân thời kỳ là 6,0%, tỷ trọng chăn nuôi chiếm 43,4%.

a) Nông nghiệp:

- Cây lương thực:

Diện tích gieo trồng cây lương thực hàng năm là 15.300,0 ha (Vùng lúa chất lượng cao 7.000,0 ha) sản lượng lương thực quy hạt đạt 120.000 tấn năm 2015 và 125.000,0 tấn (Trong đó 97.500,0 tấn lúa) vào năm 2020.

- Phát triển Các cây trồng khác: cây cao su đến năm 2015 đạt 1.290,0 ha, cây mía diện tích 4.120,0 ha, cây Lạc 730,0 ha, cây ăn quả,... gắn với nhà máy chế biến.

- Chăn nuôi:

Phát triển mạnh chăn nuôi cả về quy mô và chất lượng đàn gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng tỷ trọng chăn nuôi lên 36,4% năm 2015 và trên 43,4% vào năm 2020.

b) Lâm nghiệp:

Đến năm 2015 tổng diện tích sản xuất lâm nghiệp của huyện là 2.854,8 ha, trong đó diện tích có rừng là 1.885,3 ha, diện tích chưa có rừng là 969,6 ha.

c) Thủy sản: Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đến năm 2015 diện tích nuôi trồng thủy sản 600,0 ha và 650,0 ha vào năm 2020. Sản lượng đạt 985,0 tấn năm 2015 và 1.540,0 tấn vào năm 2020.

d) Phát triển nông thôn mới:

Phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn phù hợp với quy hoạch không gian xây dựng làng và quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH của huyện; kết hợp việc hỗ trợ của Nhà nước với phát huy nội lực của cộng đồng dân cư nông thôn.

2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:

- Phát triển nhanh và vững chắc ngành công nghiệp làm nền tảng cho tăng trưởng nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện. Kết hợp đồng bộ giữa phát triển công nghiệp với phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và hạ tầng Khu Công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, các cụm công nghiệp; nhằm tạo các hạt nhân tăng trưởng cho nền kinh tế.

- Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng tăng mạnh các ngành công nghiệp chế biến như: Công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; phục hồi và phát triển các ngành nghề truyền thống. Đến năm 2020 về cơ bản Thọ Xuân có ngành công nghiệp với cơ cấu hợp lý.

- Tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 là 25,0%, giai đoạn 2016 — 2020 là 26,0%.

- Phát triển các cụm công nghiệp: Khu Công nghiệp Lam Sơn quy mô 300,0ha, cụm công nghiệp làng nghề Thọ Nguyên 20,0 ha.

3. Phát triển các ngành dịch vụ:

- Phát triển các ngành dịch vụ với tốc độ nhanh và đa dạng, đưa dịch vụ trở thành ngành tạo ra nhiều việc làm và đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế;

- Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ năm 2015 là 4.249,0 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm thời kỳ 2011 - 2015 là 20,0%; thời kỳ 2016 - 2020 là 22,0%.

- Phát triển các ngành dịch vụ chủ yếu:

a) Dịch vụ thương mại:

- Phấn đấu đạt tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên thị trường xã hội đến năm 2020 đạt 1880 tỷ đồng, tăng 9,3% đến 13,0%/năm.

- Giá trị hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu năm 2015 là 5,0 triệu USD và 14,0 triệu USD vào năm 2020.

b) Dịch vụ du lịch:

Tập trung phát triển một số khu, điểm du lịch trọng điểm, tuyến du lịch. Từng bước nâng cấp, tôn tạo các di tích lịch sử đã được công nhận. Phấn đấu năm 2020 doanh thu đạt 29,0 tỷ đồng với 549.000 lượt khách.

c) Dịch vụ vận tải:

Phát triển đa dạng các loại hình vận tải, kết hợp phát triển vận tải đường bộ với đường thủy; phát triển các tuyến vận tải hành khách, kết hợp với phát triển du lịch, hình thành các tuyến vận tải đến các khu du lịch và trung tâm kinh tế lớn của tỉnh, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ vận tải.

d) Dịch vụ tài chính, ngân hàng:

- Phấn đấu tăng thu ngân sách trên địa bàn đạt 9,5% năm 2015 và 12,0% vào năm 2020.

- Khuyến khích các ngân hàng, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước mở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng cao cho các thành phần kinh tế.

4. Các lĩnh vực văn hóa xã hội:

4.1. Dân số, lao động, việc làm và xoá đói giảm nghèo.

Tỷ lệ tăng dân số dưới 0,6%/năm; dân số toàn huyện dự báo là 225.000 người vào năm 2020;

Tỷ lệ lao động được đào tạo hàng năm so với tổng số lao động đạt 5,05% năm 2015 và 13,39% năm 2020. Hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng 2.700 lao động, giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn; giải quyết việc làm theo 2 hướng tại chỗ và xuất khẩu. Sử dụng lao động chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 3,0%.

4.2. Giáo dục - đào tạo:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục và đào tạo, duy trì và củng cố thành quả phổ cập tiểu học và THCS tiến tới phổ cập THPT; đồng thời chuẩn hoá và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đến năm 2015 phấn đấu 30,0% số xã, thị trấn có cả 3 trường (Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia, 100% số xã có đủ nhà công vụ cho giáo viên, phòng học bộ môn, nhà đa năng, có công trình nước sạch và vệ sinh;

4.3. Y tế:

Đẩy mạnh xã hội hoá, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến cơ sở, chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo

hướng dự phòng tích cực và chủ động; đảm bảo mọi người dân đều được khám, chữa bệnh ban đầu và cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản. 100% số xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế vào năm 2015; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống dưới 9,0% vào năm 2020. Thực hiện tốt các chính sách đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, bảo hiểm xã hội tự nguyện, □

- Đến năm 2015 có 95,0% dân cư được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh trong đó có 40,0% đạt tiêu chuẩn quốc gia

4.4. Quy hoạch phát triển Văn hoá - Thể dục thể thao:

Đến năm 2015: toàn huyện có trên 90,0% gia đình văn hoá, trên 80,0% làng, 80,0% cơ quan đạt tiêu chí văn hoá. 100% xã, thị trấn có điểm bưu điện văn hoá xã, 100% làng có tủ sách pháp luật và tăng nhanh số làng có Nhà văn hoá, sân vận động vui chơi, tập luyện thi đấu TDTT. 100% số làng, cụm dân cư có đội văn nghệ; nâng cấp đài truyền thanh các xã, từng bước tiếp cận với công nghệ hiện đại. Hoàn thành đầu tư bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, các di tích lịch sử đã được xếp hạng, di tích văn hoá phi vật thể.

5. Xây dựng kết cấu hạ tầng:

5.1. Giao thông:

a) Đường quốc lộ:

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, các ban quản lý dự án để xây dựng, nâng cấp hệ thống đường Tỉnh lộ 506 (Thọ Lộc - thị trấn Thọ Xuân - Bái Thượng), chiều dài cần nâng cấp khoảng 19,0 km, hiện trạng đang là đường cấp IV dự kiến đến năm 2015 được nâng lên đường cấp II.

Đường Hồ Chí Minh có chiều dài qua huyện 12,0 km. Sau 2010 thực hiện theo quy hoạch giai đoạn II dự án đường Hồ Chí Minh.

b) Đường tỉnh:

- Dự kiến xây dựng đường trục ngang đoạn đường thành Nhà Hồ – Yên Định nối Quốc lộ 1 với đường Hồ Chí Minh.

- Đến 2015 đảm bảo 100% các tuyến đường tỉnh đều có kết cấu mặt đường bê tông nhựa và đá nhựa hoặc bê tông xi măng; đảm bảo tính đồng bộ giữa cầu và đường, từng bước đầu tư thay thế các cầu yếu.

- Đến năm 2020 toàn bộ đường tỉnh lộ được nâng cấp lên đường cấp III và II.

c) Đường huyện:

- Phần đầu đến năm 2015 các tuyến đường trục huyện được nhựa hoá trên 85,0%, đến năm 2020 đạt 100% đường trục huyện được nhựa hoá.

- Mở thêm tuyến đường mới: Ngã ba Mục Sơn - Quốc lộ 47, đường Thọ Nguyên - Xuân Thành - Hạnh Phúc. Đến năm 2020 toàn bộ đường huyện được nâng cấp lên đường cấp V, IV đồng bằng.

d) Giao thông nông thôn:

Giai đoạn 2011 - 2015 phần đầu nhựa hoá, bê tông hoá được 60,0 – 70,0% mạng lưới giao thông nông thôn và tiếp tục nâng cao chất lượng đạt 100% giai đoạn 2016 - 2020.

Đến năm 2020 quy hoạch 04 bến xe ô tô khách trên địa bàn huyện: Bến xe số 1 tại thị trấn Thọ Xuân, bến số 2 tại thị trấn Lam Sơn, bến xe số 3 tại thị trấn Sao Vàng và bến xe số 4 tại xã Thọ Minh.

đ) Đường thủy: Cải tạo nâng cấp tuyến sông Chu với chiều dài 34,0 km; xây dựng bến sông Mục Sơn (thị trấn Lam Sơn) đưa công suất hoạt động đến năm 2020 đạt 100.000,0 tấn/năm.

5.2. Thủy lợi:

- Đầu tư bê tông hóa mặt đê, kè mái đê, xây dựng cống ở những đoạn đê xung yếu; tiếp tục đầu tư kiên cố hóa kênh mương, ưu tiên cho các vùng sản xuất hàng hóa, trồng lúa chất lượng cao.

- Mở rộng hồ Cây Quýt (xã Xuân Thắng) và hồ Mạ (xã Quảng Phú), nâng cao năng lực chứa nước, hoàn chỉnh hệ thống tưới cho cây công nghiệp nguyên liệu, cây lúa,.. ở Sao Vàng, Quảng Phú,...

5.3. Hệ thống cấp nước, thoát nước:

Mục tiêu đến năm 2015 có 95,0% dân cư nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có 40,0% đạt tiêu chuẩn Quốc gia. Tới năm 2020 có 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có 60,0% đạt chuẩn quốc gia.

5.4. Điện: Dự báo nhu cầu sử dụng điện của huyện tăng bình quân 15,0%/năm trong giai đoạn 2011 - 2015 và tăng 20,0%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020.

Mục tiêu phát triển: giai đoạn 2011 - 2015 cung cấp điện ổn định cho sản xuất và sinh hoạt; giai đoạn 2016 - 2020, giảm tới mức thấp nhất tiêu hao, tổn thất về điện. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu về điện cho sản xuất và sinh hoạt cần xây dựng mới 30 trạm biến áp có dung lượng 100KVA.

5.5. Thông tin, truyền thông:

a) Bưu chính.

Nâng cấp 3 bưu cục cấp III trở thành bưu cục trung tâm, cung cấp các dịch vụ bưu chính - viễn thông. Nâng cấp 35 điểm bưu điện văn hoá xã trở thành bưu cục cấp

Nâng cấp các trang thiết bị nhằm phát triển đầy đủ các dịch vụ bưu chính- viễn thông và công nghệ thông tin.

b) Viễn thông.

Lắp đặt mới 10 trạm chuyển mạch, nâng tổng số trạm chuyển mạch toàn huyện lên 29 trạm. Các thiết bị chuyển mạch được từng bước chuyển sang mạng NGN.

c) Công nghệ thông tin.

Mở thêm từ 6 trạm mạng di động, nâng tổng số trạm phát sóng toàn huyện lên 12 trạm. Phân đầu đến năm 2015 bình quân đạt 47 máy/100 người dân, năm 2020 đạt 80 máy/100 dân, trên 95,0% số hộ có điện thoại cố định; 100% các xã có điểm truy cập internet tốc độ cao (ADSL).

5.6. Quy hoạch phát triển hạ tầng xã hội:

a) Y tế.

Xây dựng Trung tâm y tế dự phòng, khu nhà điều trị Nội - Nhi - Đông y - Cấp cứu với quy mô 120 - 150 giường bệnh, khu nhà điều trị Nội A ở bệnh viện đa khoa. Đồng thời nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế hiện đại để có đủ khả năng giải quyết một cách cơ bản nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân ngay tại địa phương.

Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực Lam Sơn phục vụ khám và chữa bệnh cho nhân dân các xã vùng phía tây của huyện.

Dự kiến giai đoạn 2011 - 2020 bảo trì và nâng cấp các trạm kiên cố đã có ở 9 xã, xây mới 32 trạm ở các xã còn lại với diện tích đất xây dựng khoảng tổng 6.400,0 m². Các trạm y tế phải được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

b) Giáo dục.

Dự kiến đến năm 2015 nâng cấp toàn bộ số phòng học hiện có, xây dựng mới kiên cố 382 phòng học mầm non, 129 phòng tiểu học; 120 phòng THCS.

c) Văn hoá, thể thao.

Cần tập trung xây dựng, nâng cấp các công trình văn hoá, thể thao trên địa bàn; tôn tạo khu di tích Lê Hoàn; xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện; xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ (ở 10 xã). Phấn đấu đến năm 2020, các xã đều có nhà văn hóa xã, thôn và trung tâm thể dục thể thao.

IV. Quy hoạch phát triển theo lãnh thổ:

1. Phát triển đô thị:

Quy hoạch hệ thống đô thị, đến năm 2020 có thị trấn Thọ Xuân (thị trấn Lam Sơn, thị trấn Xuân Lai), tỷ lệ đô thị hoá gần 40,0% năm 2020.

2. Phát triển các tiểu vùng:

- Vùng đồng bằng: Chủ yếu trồng cây lương thực, chăn nuôi lợn, trâu bò, gia cầm, thuỷ sản.

- Vùng trung du và miền núi chủ yếu phát triển cây công nghiệp mía, cao su kết hợp chăn nuôi trâu, bò và phát triển các ngành dịch vụ.

V. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư:

1. Các chương trình phát triển:

- Chương trình phát triển doanh nghiệp, ưu tiên phát triển các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu từ nguyên liệu địa phương như nông sản, thực phẩm,...

- Chương trình đầu tư xây dựng và hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng,...

- Chương trình phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp.

- Chương trình phát triển nguồn nhân lực.

- Chương trình xã hội hoá giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục thể thao...

2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: (Có phụ lục chi tiết danh mục dự án kèm theo).

VI. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

1. Huy động vốn cho đầu tư phát triển:

a) Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho thời kỳ 2010 - 2020 là: 48.950,2 tỷ đồng, Trong đó: Giai đoạn 2011 - 2015 là 14.928,2 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 34.022,0 tỷ đồng.

b) Các giải pháp huy động vốn đầu tư:

- Để huy động được các nguồn vốn đầu tư nêu trên, cần tăng cường phối hợp với các Sở ban ngành trong tỉnh ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch hàng năm, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của huyện, các dự

án lớn về giao thông, thủy lợi, xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp ... được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh.

- Tăng cường công tác vận động, xúc tiến đầu tư; tranh thủ các nguồn vốn đầu tư của các tổ chức quốc tế, ODA, FDI; đa dạng hoá các hình thức huy động vốn đầu tư từ doanh nghiệp, nguồn hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh mặt khác huyện cần duy trì nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững để tăng khả năng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

2. Cơ chế, chính sách:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hiện hành của Nhà nước.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn; huyện cần nghiên cứu ban hành một cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh vào các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, thương mại, dịch vụ trên địa bàn.

3. Phát triển thị trường:

Tăng cường công tác nghiên cứu, mở rộng thị trường truyền thống và tìm thị trường mới, đẩy mạnh xây dựng thương hiệu cho hàng hoá và dịch vụ, có kế hoạch thu hút, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu.

4. Phát triển nguồn nhân lực:

Sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế; tiếp nhận cán bộ có trình độ đại học bổ sung cho các đơn vị, tiếp tục đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.

5. Khoa học công nghệ:

Đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chọn lọc và đưa vào sản xuất các giống cây, giống con có năng suất và chất lượng, ứng dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM), công nghệ sau thu hoạch. Công nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường vào khai thác, chế biến khoáng sản và nông lâm sản thực phẩm.

6. Bảo vệ môi trường:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, coi bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các quy định bảo đảm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở Khu công nghiệp, các cụm công nghiệp làng nghề, bệnh viện,... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường vào năm 2020. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

VII. Tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Sau khi quy hoạch được phê duyệt, UBND huyện tổ chức công bố rộng rãi, phổ biến để nhân dân, các nhà đầu tư tham gia thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra thực hiện quy hoạch; tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thực hiện quy hoạch; định kỳ đánh giá việc thực hiện quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quy hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt, điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo rộng rãi quy hoạch đến các ban, ngành, các xã và nhân dân trên địa bàn huyện được biết và thực hiện quy hoạch.

- Quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong phạm vi địa bàn huyện để đảm bảo phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh.

- Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập chung, ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư một cách hợp lý.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (Nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp đỡ UBND huyện Thọ Xuân nghiên cứu, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Điều 2 Quyết định này.

2. Giúp đỡ UBND huyện Thọ Xuân trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch; đồng thời kiểm tra việc thực hiện của huyện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ông Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 QĐ (để thực hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn2010251 (45).

CHỦ TỊCH

Mai Văn Ninh (đã ký)

CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 3405 /QĐ - UBND, ngày 27/9/2010
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá).

STT	Tên dự án ưu tiên đầu tư
I.	Các dự án về nông - lâm - ngư nghiệp.
1	Dự án quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đến năm 2020.
2	Xây dựng và phát triển vùng sản xuất tập trung.
3	Xây dựng dự án phát triển vùng nguyên liệu.
II.	Các dự án về công nghiệp.
1	Dự án phát triển công nghiệp huyện Thọ Xuân đến năm 2010, định hướng 2020.
2	Xây dựng các khu, cụm công nghiệp - TTCN làng nghề tập trung.
3	Khôi phục và phát triển các làng nghề - TTCN truyền thống.
III	Các dự án về thương mại - dịch vụ – du lịch.
1.	Dự án phát triển các tuyến du lịch Sao Vàng – Thị trấn Lam Sơn – Đập Bái Thượng – Di tích Lam Kinh và tuyến Thị trấn Thọ Xuân – Cầu Hạnh Phúc – Di tích Lê Hoàn.
	Chợ chuyên doanh trâu bò với diện tích 5.000 m ² .
	Trung tâm thương mại thị trấn Lam Sơn với diện tích 15.000 m ² .
	Siêu thị Lam Sơn với diện tích 2.000 m ² .
	Siêu thị Thọ xuân, thị trấn Thọ Xuân với diện tích 2.000 m ² .
IV	Các dự án về kết cấu hạ tầng.
1	Cải tạo, mở rộng và nâng cấp các tuyến tỉnh lộ đường 506, đường 514B, đường 515, đường 515D, đường 519.
2	Cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị.
3	Nâng cấp và cải tạo các tuyến đường huyện.
4	Dự án đầu tư nâng cấp các tuyến đê và xây dựng kè.
5	Dự án cải tạo và nâng cấp hệ thống đường trục xã và đường liên xã.
6	Dự án nước sạch nông thôn.
7	Dự án cải tạo và nâng cấp mạng lưới điện nông thôn.
8	Dự án nâng cấp và cứng hoá hệ thống kênh mương.
9	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.
V.	Các dự án về văn hóa - xã hội.
1	Dự án xây dựng phòng khám đa khoa khu vực Lam Sơn.
2	Dự án mở rộng và nâng cấp khu trung tâm văn hoá - thể thao huyện.
3	Dự án tôn tạo và xây dựng khu di tích Lê Hoàn.
4	Dự án xây dựng, nâng cấp trường học.